TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 894/2025/DS-ST Ngày: 16 - 9 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nghị- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1124/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1131/2025/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2341/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Số HSS đường NK, Phường VTS, Quận B (nay là phường XH), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn T; Địa chỉ: Số HBT đường NK, phường XH, (phường VTS, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2341/2024/UQ-TT.XLN ngày 18/10/2024) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thanh T; Địa chỉ: Số MH (MB) đường PVT, phường GV, (Phường M, quận GV cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – ông Dương Văn T trình bày:

Ngày 05/01/2018, Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) có ký với bà Lê Thị Thanh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ cá nhân tín chấp cho bà T với tổng hạn mức tín dụng là

161.000.000 đồng, lãi suất 2.48%/tháng, lãi suất này được tính trên từng lần giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.653.437.294 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 4.558.655.696 đồng, sau đó bà T không thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, sao kê hàng tháng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc là 180.942.278 đồng, với lãi suất quá hạn là 3,72%/tháng theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay, ngân hàng yêu cầu bà T trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 327.123.677 đồng (trong đó nợ gốc là 180.942.278 đồng; lãi quá hạn là 146.181.399 đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tự khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà T vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền tổng cộng tính đến ngày 16/9/2025 là 327.123.677 đồng (trong đó nợ gốc là 180.942.278 đồng; lãi quá hạn là 146.181.399 đồng). Ngoài ra, bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/9/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/01/2018 và thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh T trả nợ từ Hợp đồng tín dụng. Bà T ghi địa chỉ hiện tại theo hợp đồng tín dụng tại số MH đường PVT, Phường M, quận

GV, (nay là phường GV), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 16/9/2025 là 327.123.677 đồng (trong đó nợ gốc là 180.942.278 đồng; lãi quá hạn là 146.181.399 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 05/01/2018; cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 161.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 4.558.655.696 đồng, sau đó bà T không thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, sao kê hàng tháng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc là 180.942.278 đồng, với lãi suất quá hạn là 3,72%/tháng theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán các khoản nợ tính đến ngày xét xử 16/9/2025 nợ gốc 180.942.278 đồng và nợ lãi quá hạn 146.181.399 đồng, tổng cộng 327.123.677 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu bà T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 05/01/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.356.184 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 5.825.941 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Bà Lê Thị Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tổng cộng là 327.123.677 đồng (trong đó nợ gốc là 180.942.278 đồng; lãi quá hạn là 146.181.399 đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 05/01/2018, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 05/01/2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí là 16.356.184 đồng (mười sáu triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn một trăm tám mươi tư đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.825.941 đồng (năm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi mốt đồng) theo biên lai thu số 0014778 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7- TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Chinh